

Số: 1219/QĐ-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 18 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về học bổng KKHT đối với học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thông tư số 31/2013/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 01/8/2013 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 03/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung khoản 4 Mục I Phần II Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 25/8/1998;

Căn cứ Quyết định số 2747/QĐ-BYT ngày 24/7/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác Sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đại học chính quy đang học tập tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ năm học 2016 – 2017. Quy định này thay thế các văn bản có liên quan đã ban hành trước đây.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Đào tạo đại học, Trưởng các khoa và sinh viên căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu HCTH, CTSV.



*Phạm Văn Linh

QUI ĐỊNH

Về xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đại học chính quy

(Đính kèm Quyết định số: 1119/QĐ-ĐHYDCT ngày 18 tháng 10 năm 2016
của Hiệu Trưởng trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

I. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội là sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. Học bổng khuyến khích học tập (KKHT):

1. Tiêu chuẩn và mức xét, cấp học bổng khuyến khích học tập:

1.1. Sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện từ loại khá trở lên (chỉ tính cho kết quả thi lần thứ nhất, trong đó không có điểm thi dưới 5,0 hoặc kiểm tra hết môn học không đạt), không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét học bổng thì được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập trong phạm vi quỹ học bổng khuyến khích học tập của trường theo các mức sau:

a. Mức học bổng loại khá: có điểm trung bình chung học tập đạt loại khá trở lên và điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên. Mức học bổng do Hiệu trưởng qui định.

b. Mức học bổng loại giỏi: có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên. Mức học bổng loại giỏi cao hơn mức học bổng loại khá và do Hiệu trưởng qui định.

c. Mức học bổng loại xuất sắc: có điểm trung bình chung học tập đạt loại xuất sắc và điểm rèn luyện đạt loại xuất sắc. Mức học bổng loại xuất sắc cao hơn mức học bổng loại giỏi và do Hiệu trưởng qui định.

1.2. Điểm trung bình chung học tập được xác định theo qui định hiện hành của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy (chỉ lấy điểm thi, kết quả hết môn học lần thứ nhất, trong đó không có điểm thi dưới 5,0 hoặc kiểm tra hết môn học không đạt). Kết quả rèn luyện được xác định theo qui định của Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện hiện hành do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

1.3. Học bổng KKHT được cấp theo từng học kỳ và cấp 10 tháng trong một năm học.

1.4. Quỹ học bổng KKHT và trợ cấp xã hội được bố trí bằng 12% nguồn thu học phí sinh viên chính quy diện trong ngân sách nhà nước và 10% nguồn thu tính theo mức học phí diện ngân sách nhà nước của sinh viên diện địa chỉ sử dụng.

2. Thủ tục xét cấp học bổng KKHT:

- Hiệu trưởng căn cứ vào quỹ học bổng khuyến khích học tập xác định số lượng suất học bổng khuyến khích học tập cho từng khoá học, ngành đào tạo. Trong trường hợp số

lượng sinh viên thuộc diện được xét cấp học bổng nhiều hơn số suất học bổng thì thủ tục xét, cấp học bổng do Hiệu trưởng qui định.

- Hội đồng xét cấp học bổng căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên tiến hành xét, cấp học bổng theo thứ tự từ loại xuất sắc trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định trình Hiệu trưởng quyết định. Trường hợp sinh viên có cùng điểm trung bình chung học kỳ thì xét ưu tiên theo điểm rèn luyện.

- Kết quả học tập của sinh viên trong học kỳ trước là căn cứ để xét cấp học bổng KKHT cho học kỳ sau. Không cấp học bổng KKHT cho học kỳ đầu tiên của khóa học.

- Sinh viên đào tạo theo học chế tín chỉ được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập phải tích lũy được số tín chỉ theo qui định, không có học phần dưới điểm D. Thủ tục và tiêu chuẩn xét, cấp học bổng KKHT theo học chế tín chỉ thực hiện như thủ tục và tiêu chuẩn xét, cấp học bổng KKHT theo học kỳ.

3. Phân loại học bổng khuyến khích học tập:

TT	Trung bình học kỳ		Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	
	Theo Quy chế 25	Theo Quy chế 43			
01	Từ 9,00 đến 10	Từ 3,60 đến 4,00	Từ 90 - 100 điểm		Xuất sắc
02	Từ 9,00 đến 10	Từ 3,60 đến 4,00	Từ 80 - < 90 điểm	Loại 1	Giỏi
03	Từ 9,00 đến 10	Từ 3,60 đến 4,00	Từ 70 - < 80 điểm	Loại 2	Giỏi
04	Từ 8,00 đến 8,99	Từ 3,20 đến 3,59	Từ 90 - 100 điểm	Loại 3	Giỏi
05	Từ 8,00 đến 8,99	Từ 3,20 đến 3,59	Từ 80 - < 90 điểm	Loại 4	Giỏi
06	Từ 8,00 đến 8,99	Từ 3,20 đến 3,59	Từ 70 - < 80 điểm	Loại 1	Khá
07	Từ 7,00 đến 7,99	Từ 2,80 đến 3,19	Từ 70 - 100 điểm	Loại 2	Khá

4. Mức học bổng KKHT áp dụng từ năm học 2016 – 2017:

TT	Trung bình học kỳ		Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng		Mức học bổng /Tháng
	Theo Quy chế 25	Theo Quy chế 43				
01	Từ 9,00 đến 10	Từ 3,60 đến 4,00	Từ 90 - 100 điểm		Xuất sắc	550.000
02	Từ 9,00 đến 10	Từ 3,60 đến 4,00	Từ 80 - < 90 điểm	Loại 1	Giỏi	500.000
03	Từ 9,00 đến 10	Từ 3,60 đến 4,00	Từ 70 - < 80 điểm	Loại 2	Giỏi	450.000
04	Từ 8,00 đến 8,99	Từ 3,20 đến 3,59	Từ 90 - 100 điểm	Loại 3	Giỏi	400.000
05	Từ 8,00 đến 8,99	Từ 3,20 đến 3,59	Từ 80 - < 90 điểm	Loại 4	Giỏi	370.000
06	Từ 8,00 đến 8,99	Từ 3,20 đến 3,59	Từ 70 - < 80 điểm	Loại 1	Khá	330.000
07	Từ 7,00 đến 7,99	Từ 2,80 đến 3,19	Từ 70 - 100 điểm	Loại 2	Khá	300.000

Trường hợp có thay đổi mức học bổng KKHT, phòng CTSV soạn văn bản trình Hiệu trưởng quyết định.

B. Trợ cấp xã hội

1. Đối tượng và điều kiện nhận trợ cấp xã hội:

1.1. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao. Căn cứ để xác định người dân tộc ít người là giấy khai sinh bản gốc, hoặc giấy kết hôn của bố mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị thất lạc), trong đó có ghi bố hoặc mẹ là người dân tộc ít người. Người dân tộc ít người ở vùng cao là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo).

Vùng cao quy định tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận các xã, huyện là miền núi, vùng cao do điều chỉnh địa giới hành chính).

1.2. Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa. Đây là những người không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên (sinh viên phải xuất trình giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú).

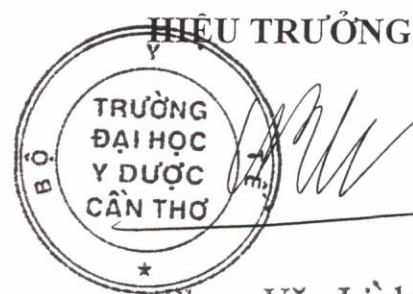
1.3. Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định (hồ sơ, thủ tục giám định y khoa áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 34/TT-LB ngày 29/12/1993 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế). Sinh viên thuộc diện này phải xuất trình biên bản giám định y khoa và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

1.4. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo (phải xuất trình giấy chứng nhận là hộ nghèo do UBND cấp xã trở lên xác nhận).

Sinh viên thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội phải làm đơn xin hưởng trợ cấp xã hội và phải xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định mới được nhà trường xét cho hưởng trợ cấp xã hội. Mức trợ cấp là 140.000đ/tháng và được cấp 10 tháng/năm học.

IV. Thời gian hiệu lực áp dụng:

Quy định có hiệu lực từ năm học 2016 – 2017. Bãi bỏ các quy định liên quan trước đây. Trong quá thực hiện nếu có vướng mắc phòng Công tác sinh viên tổng hợp báo cáo Hiệu Trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.



Phạm Văn Linh